

Số: 1748/QĐ-ĐHĐN

Đồng Nai, ngày 9 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định quản lý, khai thác, bảo vệ thiết bị CNTT và mạng máy tính

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

Căn cứ Quyết định số 1572/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Đồng Nai, trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Sư phạm Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 1077/NQ-HĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 50/QĐ-ĐHĐN, ngày 10/01/2022 của Hiệu trưởng Trường đại học Đồng Nai về việc ban hành chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường, sau khi sửa đổi, điều chỉnh một số điều;

Căn cứ kế hoạch số 1816/KH-ĐHĐN ngày 5/8/2022 về kế hoạch đảm bảo chất lượng của Trường Đại học Đồng Nai;

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng - Trưởng Ban thư ký Hội đồng Kiểm định cơ sở giáo dục theo Quyết định số 1094/QĐ-ĐHĐN, ngày 17/7/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai ban hành,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định quản lý, khai thác, bảo vệ thiết bị công nghệ thông tin và mạng máy tính.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan thuộc Trường Đại học Đồng Nai chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *Hand*

- Như: Điều 3 (để thực hiện)
- Lưu: VT, QTTB, TBTk (Song Thanh).

HIỆU TRƯỞNG



TS. Lê Anh Đức

**QUY ĐỊNH VIỆC QUẢN LÝ, KHAI THÁC, BẢO VỆ THIẾT BỊ CNTT
VÀ MẠNG MÁY TÍNH CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI**

(Kèm theo quyết định số 1748/QĐ-ĐHĐN, ngày 9/10/2023
của Hiệu trưởng Trường đại học Đồng Nai)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về việc quản lý, vận hành, khai thác, bảo vệ thiết bị công nghệ thông tin và mạng máy tính tại Trường Đại học Đồng Nai.

Quy định này được áp dụng đối với các công chức, viên chức, sinh viên và học tại Trường Đại học Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là bộ phận, cá nhân sử dụng) trong việc quản lý, vận hành, khai thác, bảo vệ thiết bị công nghệ thông tin và mạng máy tính tại Trường.

Điều 2. Mục đích

1. Đảm bảo cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông cho việc ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ của Trường Đại học Đồng Nai, kết nối với hệ thống mạng của Trường Đại học Đồng Nai.

2. Làm cơ sở để xây dựng và phát triển các phần mềm ứng dụng và hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

1. Thiết bị công nghệ thông tin: Bao gồm tất cả các loại máy vi tính; các loại thiết bị bên ngoài kết nối với máy vi tính như: máy in, máy quét, máy chiếu, thiết bị tích điện, thiết bị mạng và các loại thiết bị công nghệ kỹ thuật số khác.

2. Phần mềm: Bao gồm tất cả phần mềm hệ thống và phần mềm ứng dụng được cài đặt trên các máy tính trong và ngoài hệ thống mạng.

3. Cơ sở dữ liệu: Là kho dữ liệu được lưu trữ trên máy tính đã được thiết kế.

4. Mạng cục bộ: Là một hệ thống mạng hoạt động trong phạm vi một cơ quan, đơn vị, bao gồm các máy tính, máy chủ và các thiết bị ngoại vi được kết nối với nhau thông qua các thiết bị truyền dẫn và thiết bị mạng như thông tin, dữ liệu, phần mềm và các thiết bị ngoại vi.

5. Mạng diện rộng: Là mạng được thiết lập để liên kết các máy tính của hai hay nhiều khu vực khác nhau, ở khoảng cách xa về mặt địa lý được kết nối với nhau thông

thông qua các thiết bị truyền dẫn và thiết bị mạng như thông tin, dữ liệu, phần mềm và các thiết bị ngoại vi.

5. Mạng diện rộng: Là mạng được thiết lập để liên kết các máy tính của hai hay nhiều khu vực khác nhau, ở khoảng cách xa về mặt địa lý được kết nối với nhau thông qua các thiết bị truyền dẫn và thiết bị mạng ngành viễn thông như thông tin, dữ liệu, phần mềm.

6. Hệ thống công nghệ thông tin: Là một tập hợp có cấu trúc các thiết bị phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu và hệ thống mạng phục vụ cho một hoặc nhiều hoạt động kỹ thuật, nghiệp vụ.

7. Tiêu chuẩn công nghệ thông tin: Là các chuẩn mực quy định của cấp Trung ương về các vấn đề liên quan đến hệ thống mạng, thiết bị công nghệ thông tin và phần mềm.

8. Cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin: Là nhân viên được giao nhiệm vụ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm quản trị hệ thống mạng cục bộ và tất cả trang thiết bị, phần mềm có liên quan của đơn vị.

9. Tổ công nghệ thông tin của đơn vị: Là Phòng, bộ phận được Hiệu trưởng giao nhiệm vụ tham mưu và triển khai công nghệ thông tin tại đơn vị phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý, công tác chuyên môn nghiệp vụ, giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

Điều 4. Quyền hạn và trách nhiệm của đơn vị, cá nhân sử dụng

1. Quyền hạn

a. Được phép sử dụng thiết bị công nghệ thông tin và mạng máy tính để khai thác và trao đổi các thông tin cần thiết phục vụ cho công tác quản lý điều hành, công tác chuyên môn nghiệp vụ, giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học;

b. Bộ phận Quản trị thiết bị bố trí, sắp xếp thiết bị công nghệ thông tin cho người sử dụng tại đơn vị mình quản lý để khai thác có hiệu quả nhất.

2. Trách nhiệm

Tuân thủ các hướng dẫn sử dụng thiết bị công nghệ thông tin; tuân thủ các quy định về cập nhật và khai thác thông tin trên mạng.

Chương II

QUẢN LÝ THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Điều 5. Trách nhiệm về quản lý tư vấn mua sắm thiết bị Công nghệ thông tin

1. Tổ Công nghệ thông tin

a. Tổ Công nghệ thông tin là đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý về công nghệ thông tin, việc mua sắm tài sản công nghệ thông tin (bao gồm cả phần cứng, phần mềm) phải phù hợp với tiêu chuẩn công nghệ thông tin hiện hành.

b. Tổ Công nghệ thông tin có trách nhiệm lập các mẫu biểu hướng dẫn sử dụng, quy trình bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, mua sắm tài sản công nghệ thông tin.

2. Tổ công nghệ thông tin trình Trưởng phòng KHTC và Hiệu trưởng quyết định đối với các kế hoạch, dự án đầu tư thiết bị công nghệ thông tin và phần mềm có liên quan đến hệ thống mạng.

3. Tổ Công nghệ thông tin phối hợp, triển khai các kế hoạch, dự án ứng dụng công nghệ thông tin của các đơn vị đã được Hiệu trưởng quyết định.

4. Hàng năm, Tổ Công nghệ thông tin có trách nhiệm rà soát hiện trạng hệ thống công nghệ thông tin và lập dự toán kinh phí báo cáo với Trưởng phòng KHTC và Hiệu trưởng xét duyệt đưa vào kinh phí chi thường xuyên đối với các nội dung sau:

a. Mua sắm, bổ sung hoặc thay thế các thiết bị công nghệ thông tin;

b. Sửa chữa, nâng cấp, bảo trì hệ thống mạng và các phần mềm dùng trên mạng...;

c. Kinh phí duy trì cập nhật trang thông tin điện tử;

d. Chi khác trong quản lý hệ thống công nghệ thông tin.

Điều 6. Triển khai phần mềm ứng dụng

1. Phần mềm ứng dụng nếu không được tác giả cung cấp miễn phí thì phải mua bản quyền theo Luật Sở hữu trí tuệ; không được tự ý cài đặt và sử dụng những phần mềm không có bản quyền.

2. Phần mềm được cấp trung ương triển khai phải tổ chức tiếp nhận và triển khai thực hiện theo đúng mục đích yêu cầu.

3. Khi xây dựng hoặc mua bản quyền phần mềm ứng dụng để phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ phải được nghiên cứu xem xét theo các yêu cầu như sau:

+ Mục đích yêu cầu hợp lý;

+ Có tính khả thi và hiệu quả; dễ sử dụng; có khả năng mở rộng khi cần thiết;

+ Tương thích với cấu hình máy, hệ điều hành và mạng máy tính hiện tại của nhà trường;

+ Sử dụng mã phong chữ tiếng Việt theo chuẩn quốc gia (hiện tại là phong chữ thuộc bảng mã Unicode);

+ Tổ chức chuyển giao và có tài liệu hướng dẫn đầy đủ;

+ Giá cả hợp lý.

4. Khi tiếp nhận phần mềm ứng dụng, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm cử cán bộ chuyên trách tham gia tiếp nhận chuyển giao và tập huấn khai thác phần mềm.

Cán bộ nghiệp vụ được cử dự tập huấn phải có trách nhiệm tiếp thu đầy đủ, khai thác sử dụng có kết quả và phải hướng dẫn bàn giao lại khi có người khác thay thế sử dụng phần mềm.

5. Tổ Công nghệ thông tin có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị chuyên môn có liên quan đề xuất Hiệu trưởng ban hành quy định cập nhật dữ liệu và vận hành mỗi khi có phần mềm mới được ứng dụng trên hệ thống mạng.

6. Lãnh đạo đơn vị chuyên môn có trách nhiệm quyết định cách thức cập nhật dữ liệu và vận hành đối với các phần mềm ứng dụng riêng trong nội bộ đơn vị mà không có liên quan đến các đơn vị khác.

Điều 7. Trách nhiệm quản lý, bảo quản

Thiết bị công nghệ thông tin bàn giao cho đơn vị nào thì đơn vị đó chịu trách nhiệm quản lý, khai thác, sử dụng và bảo quản.

Thiết bị mạng đặt ở đơn vị nào thì đơn vị đó có trách nhiệm bảo quản.

Các thiết bị chính của hệ thống công nghệ thông tin như: máy chủ, thiết bị mạng, bản quyền phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng dùng chung và thiết bị phục vụ cho công việc bảo trì, triển khai công nghệ thông tin do tổ Công nghệ thông tin quản lý, bảo quản.

Tất cả thiết bị công nghệ thông tin bàn giao cho các bộ phận quản lý. Các bộ phận phải có hồ sơ ghi rõ lý lịch máy, nguồn gốc, nhật ký sửa chữa nâng cấp.

Hàng năm, các đơn vị chuyên môn liên quan quản lý công sản có trách nhiệm phối hợp tổ Công nghệ thông tin kiểm tra lại thiết bị tất cả đơn vị trong Trường và báo cáo hiện trạng thiết bị. Tổ Công nghệ thông tin chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo cho Trường phòng KHTC và Hiệu trưởng và đề xuất phương án thay thế, nâng cấp.

Điều 8. Sử dụng thiết bị công nghệ thông tin

Sử dụng thiết bị công nghệ thông tin để phục vụ cho công việc. Đơn vị, cá nhân sử dụng phải thực hiện những yêu cầu sau:

a. Không tự tiện cài đặt thêm những phần mềm không sử dụng cho công việc vào máy tính;

b. Không lưu trữ hoặc cài đặt trò chơi điện tử trên máy, không chơi trò chơi điện tử;

c. Tất mở máy phải đúng quy trình;

d. Định kỳ sao lưu dữ liệu ra thiết bị lưu trữ ngoài dự phòng. Định kỳ có thể là hằng ngày hoặc tuần tùy theo mức độ phát sinh dữ liệu mới của mỗi người dùng. Việc sao lưu dự phòng này nhằm hạn chế rủi ro mất dữ liệu, khi đĩa cứng gắn bên trong máy tính bị hư ở mức vật lý, không thể khôi phục dữ liệu được;

đ. Trong quá trình sử dụng không được tự ý thay đổi linh kiện và thông số kỹ thuật của các thiết bị được cấp. Khi thiết bị có sự cố phải thông báo ngay bằng văn bản gửi về Tổ Công nghệ thông tin biết để kiểm tra, xử lý. Không được tự ý nhờ người bên ngoài can thiệp vào thiết bị. Đối với các thiết bị có dán tem bảo hành đang còn thời hạn thì không được làm rách tem.

Chương III

KHAI THÁC MẠNG MÁY TÍNH CỦA TRUNG TÂM

Điều 9. Quản lý hệ thống mạng

1. Mạng máy tính tại Trường do tổ Công nghệ thông tin chịu trách nhiệm quản lý hoặc ủy quyền cho người có trách nhiệm làm việc trên máy chủ, quản lý tài khoản quản trị.

Tổ Công nghệ thông tin có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hệ thống, an toàn dữ liệu, sao lưu dữ liệu trên mạng, phòng chống virus máy tính và bảo trì hệ thống; mở, tắt máy chủ đúng giờ quy định.

Tổ Công nghệ thông tin hỗ trợ người sử dụng trong mạng khi gặp sự cố như: bị ngắt kết nối, không đăng nhập được, lỗi phần mềm và phần cứng của các máy tính do nhà trường trang bị.

2. Không kết nối máy tính nối mạng với các thiết bị khác và không cài đặt, gỡ bỏ bất kỳ phần mềm nào trên máy tính nối mạng nếu chưa có sự thống nhất của cán bộ công nghệ thông tin.

3. Tổ Công nghệ thông tin được phép phân quyền sử dụng, bảo mật thông tin và an toàn dữ liệu trên mạng máy tính.

4. Tổ Công nghệ thông tin chủ trì phối hợp với các đơn vị trong việc bảo trì và phát triển hệ thống công nghệ thông tin.

Điều 10. Đơn vị, cá nhân sử dụng máy trong mạng

1. Chỉ được thực hiện những công việc được giao, tuân thủ đúng quy trình kỹ thuật nghiệp vụ, quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống công nghệ thông tin.

Thực hiện đúng quy định bảo mật và an toàn dữ liệu trên mạng: Không được để lộ mật khẩu đăng nhập mạng; không được tự ý sao chép tài liệu trên mạng cho người ngoài cơ quan sử dụng.

2. Phải chịu trách nhiệm về những sai sót, chậm trễ, mất an toàn do cố ý không tuân thủ quy chế vận hành hệ thống công nghệ thông tin hoặc sự chủ quan của mình gây ra.

3. Khi sử dụng internet phải:

Có trách nhiệm bảo vệ hệ thống mạng của cơ quan, cảnh giác với những mặt trái của internet (virus, hacker, thông tin xấu,...).

Chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật nếu bao che hoặc cho người khác sử dụng trang thiết bị, mật khẩu của mình để thực hiện các hành vi phạm pháp.

Có trách nhiệm tuân theo những quy định về nội dung thông tin đưa lên mạng và internet.

4. Đơn vị, cá nhân sử dụng có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Tổ Công nghệ thông tin hoặc người quản trị hệ thống về những sự cố đối với hệ thống công nghệ thông tin nếu có.

5. Các đơn vị và cá nhân sử dụng sử dụng mạng không dây cũng phải tuân thủ theo các quy định về khai thác và sử dụng tài nguyên mạng của nhà trường.

Điều 11. Quản lý thông tin, dữ liệu

1. Lãnh đạo đơn vị chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời, cấp độ bảo mật của các thông tin do đơn vị mình đưa lên mạng.

Lãnh đạo các đơn vị chuyên môn chịu trách nhiệm phân công cập nhật thông tin liên quan vào các phần mềm ứng dụng và cơ sở dữ liệu đúng thời gian quy định.

2. Cá nhân sử dụng không được tự ý thay đổi biểu mẫu, cấu trúc thông tin và nội dung thông tin dùng chung trên mạng.

3. Về sử dụng phông chữ:

Thống nhất dùng phông chữ thuộc bảng mã Unicode (phông chữ phổ thông là Times New Roman, dùng cỡ chữ 14) để trao đổi thông tin trên mạng.

Các nguồn thông tin dạng tài liệu văn bản nếu dùng phông chữ thuộc bảng mã khác phải chuyển đổi sang phông chữ thuộc bảng mã Unicode trước khi đưa lên mạng.

Điều 12. Bảo đảm an toàn thông tin, dữ liệu

1. Tổ Công nghệ thông tin chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn thông tin truyền dẫn và dữ liệu lưu trên mạng máy tính. Việc bảo quản, sao lưu dữ liệu dùng chung của Trung tâm được thực hiện trên máy chủ đặt tại đơn vị.

Tổ Công nghệ thông tin có trách nhiệm áp dụng các biện pháp đảm bảo an ninh, bảo mật những thông tin trên mạng máy tính.

2. Đơn vị, cá nhân sử dụng không được soạn thảo lưu trữ công văn, tài liệu mật liên quan đến an ninh quốc gia, an ninh nội bộ của nhà trường hoặc thông tin chưa được phép công bố trên máy tính có kết nối mạng.

Điều 13. Phòng chống virus máy tính

1. Tổ Công nghệ thông tin có trách nhiệm định kỳ quét virus máy tính cho các máy chủ sử dụng tại phòng máy chủ và thường xuyên cập nhật các chương trình chống virus, các bản sửa lỗi hệ thống mới nhất để cài đặt và hướng dẫn phòng, chống virus máy tính cho các đơn vị, công chức, viên chức.

2. Đơn vị và cá nhân sử dụng có trách nhiệm tuân thủ các biện pháp phòng và chống virus máy tính. Mọi dữ liệu từ các thiết bị lưu trữ bên ngoài và từ internet đều phải được quét diệt virus trước khi sử dụng. Những máy tính phát hiện có virus phải được tách khỏi mạng về mặt vật lý để tránh tình trạng lây nhiễm sang các máy tính khác.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Xử lý vi phạm

Đơn vị, công chức, viên chức, sinh viên và học viên thực hành vi phạm Quy định này và các quy định khác của pháp luật về sử dụng thiết bị công nghệ thông tin, mạng máy tính thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc các hình thức xử lý khác theo quy định của pháp luật; nếu vi phạm gây thiệt hại đến tài sản, thiết bị, thông tin, dữ liệu trên mạng máy tính thì còn phải chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Đơn vị, cá nhân sử dụng máy tính và thiết bị trong hệ thống công nghệ thông tin của nhà trường có trách nhiệm thi hành Quy định này.

2. Lãnh đạo các bộ phận có trách nhiệm tổ chức triển khai và kiểm tra việc chấp hành tại đơn vị mình theo đúng Quy định này.

3. Tổ Công nghệ thông tin có trách nhiệm tổng hợp những ý kiến đóng góp và đề xuất Hiệu trưởng xem xét, quyết định./.